

Số: 1902/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 07 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh
Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc
Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai:
Khu vực thành phố Lai Châu)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Lai Châu;
Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thành
phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ
sung lần 3 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng
Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội
Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai
Châu tại Tờ trình số 653 /TTr-TNMT ngày 04/10 /2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Tiến Đăng – Cư trú tại: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 15.531.476 đồng.
(Bằng chữ: Mười lăm triệu năm trăm ba mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đông Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Tiến Đăng có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đông Phong, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 3

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Khu vực thành phố Lai Châu).**

Kèm theo Quyết định số: 1902 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Đối với hộ ông: Nguyễn Tiến Đăng				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				15.531.476
a	<i>Về tài sản vật kiến trúc: Toàn bộ tài sản do bà Nguyễn Thị Hoa (ông Nguyễn Tiến Đăng) tạo lập năm 2012 trên đất đã thu hồi dự án trước, đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất.</i>				15.299.476
	<i>Phần tài sản nằm trên đất thu hồi mới</i>				
1	Bể đựng nước sinh hoạt xây gạch đỏ tường 22cm nắp BTCT (2,4*1,6*4) bể ngầm bổ sung khối lượng trừ đi khối lượng (2*1,4*3,8) đã tính tại Quyết định 1023 ngày 07/7/2021 của UBND thành phố	m ³	4,72	849.200	4.008.224
2	Khối lượng đào đắp thủ công (bể ngầm) (3*1,8*4,5)	m ³	24,30	82.500	2.004.750
3	Rãnh thoát nước ngoài nhà xây gạch trát hoàn chỉnh	m	6,7	115.500	773.850
4	Khung sắt (giàn nho) 5,3*3	m ²	15,9	98.200	1.561.380
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (7*3,4)	m ²	23,8	83.600	1.989.680
6	Lưới B40 cọc thép (2,4*1,2)	m ³	2,9	100.100	288.288
7	Tường xây gạch đỏ tường 11 cm (2,4*1,9)	m ²	4,6	273.900	1.248.984
8	Cút nối chữ T φ 34	cái	4,0	4.800	19.200
9	Ống nhựa PPR φ 50	m	18,4	110.300	2.029.520
10	Ống nhựa PVC φ 40	m	3,0	20.600	61.800
11	Ống nhựa PPR φ 20	m	5,0	27.400	137.000
12	Ống nhựa PVC φ 60	m	4,0	30.400	121.600
13	Ống nhựa PPR φ 50	m	6,2	110.300	683.860
14	Ống nhựa PVC φ 110	m	1,8	66.500	119.700
15	Ống nhựa PVC φ 90	m	5,4	46.600	251.640
b	<i>Về cây cối hoa màu</i>				232.000
1	Cây bơ trồng hạt năm thứ 3	cây	1,0	132.000	132.000
2	Cây lộc vùng đường kính gốc bằng 10cm đến dưới 25 cm (tính bằng cây hoa ban)	Cây	1,0	100.000	100.000

